**BÀI 3: GIAO CẢM VỚI THIÊN NHIÊN (THƠ)**

**\* TRI THỨC NGỮ VĂN**

**- Chủ thể trữ tình:**

+ Là khái niệm chỉ người thể hiện thái độ, cảm xúc, tư tưởng của mình trong suốt VB thơ.

+ Có ba dạng: chủ thể trữ tình xuất hiện trực tiếp với các đại từ nhân xưng (tôi, ta, chúng ta, anh, em,...); chủ thể trữ tình nhập vai (nhập vai vào một nhân vật nào đó); chủ thể trữ tình ẩn (không xuất hiện trực tiếp, có ai đó đang quan sát)

**- Vần và nhịp:** là những yếu tố quan trọng tạo nên nhạc điệu trong thơ.

+ Vần: vần chân, vần lưng. Thanh điệu: vần thanh trắc (T), vần thanh bằng (B)

+ Nhịp: chỗ ngắt, ngừng nghỉ 🡪 tạo bước đi của thơ nhanh, chậm, dài, ngắn,...

**- Từ ngữ, hình ảnh trong thơ:** mang lại sức gợi cảm lớn, chứa đựng nhiều tầng nghĩa.

+ Được miêu tả trực tiếp, khách quan

+ Được miêu tả gián tiếp bằng liên tưởng, tưởng tượng, BPTT: so sánh, ẩn dụ,... => làm cho cái vô hình 🡪 hữu hình, vô tri, vô giác 🡪 có hồn, ý nghĩa.

**VB1: HƯƠNG SƠN PHONG CẢNH**

**- Chu Mạnh Trinh -**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả**

- Chu Mạnh Trinh (1862-1905), tự Cán Thần, hiệu Trúc Vân, người làng Phú Thị, tỉnh Hưng Yên. Ông đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Án sát.

- Ông thành thạo cầm, kì, thi, họa, am hiểu nghệ thuật kiến trúc.

**2. Tác phẩm**

- Thể loại: hát nói

**-** HCST: được sáng tác trong thời gian Chu Mạnh Trinh tham gia trùng tu chùa Thiên Trù trong quần thể Hương Sơn.

- Xuất xứ: in trong *Việt Nam ca trù biên khảo*

- Bố cục:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bố cục bài hát nói chính thể** | **Bố cục bài hát nói*****Hương sơn phong cảnh*** | **Nội dung chính** |
| *Khổ đầu: Mở lời*(bốn câu: câu 1 – câu 4) | Khổ đầu: 4 câu đầu | Cái nhìn bao quát của chủ thể trữ tình khi đặt chân đến Hương Sơn. |
| *Khổ giữa: Nội dung bài hát nói*(4 câu: câu 5 – câu 8) | Khổ giữa: câu 5 đến câu 16 | Miêu tả cụ thể phong cảnh Hương Sơn theo bước chân chủ thể trữ tình nhập vai trong “khách tang hải”. |
| *Khổ xếp: Phần kết bài*(3 câu: câu 9 – câu 11) | Khổ xếp: câu 17 đến hết | Tư tưởng từ bi, bác ái và tình yêu đối với cảnh đẹp đất nước của tác giả. |

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**1. Chủ thể trữ tình**

- Chủ thể ẩn: Không xuất hiện trực tiếp, có ai đó quan sát và rung động trước phong cảnh Hương Sơn.

- Chủ thể nhập vai: qua cụm “khách tang hải” 🡪 ngắm cảnh với vị thế “khách” đến từ cõi trần tục nhiều biến động 🡪 cái nhìn tươi mới, ngạc nhiên, sửng sốt trước vẻ đẹp Hương Sơn.

=> Xuất hiện xen kẽ, lúc độc lập, lúc hòa vào nhau.

- Diễn biến tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình trong bài thơ:

+ 4 câu đầu: thành kính, ngỡ ngàng, xúc động trước vẻ đẹp như cõi Phật của Hương Sơn

+ Câu 5 🡪 câu 16: quan sát cụ thể, chi tiết phong cảnh; say mê vẻ đẹp thanh khiết của thiên nhiên và công trình kiến trúc.

+ Câu 17 đến hết: phát biểu trực tiếp cảm xúc “Càng trông phong cảnh càng yêu”

**2. Cảm hứng chủ đạo, từ ngữ, biện pháp tu từ**

**- Cảm hứng chủ đạo:** Ngợi ca thiên nhiên đất nước tươi đẹp, qua đó gửi gắm tình yêu đối với giang sơn hữu tình được tạo hóa ban tặng.

**- Từ ngữ (hình ảnh, âm thanh):**

+ “Đệ nhất động” 🡪 tôn vinh vị thế Hương Sơn

+ “Thú Hương Sơn ao ước”, “giật mình trong giấc mộng”, “ai khéo họa hình”,... 🡪 Trực tiếp thể hiện cảm xúc khát khao mãnh liệt, lâng lâng hư thực

+ “Thỏ thẻ”, “lững lờ”, “long lanh”, “thăm thẳm”, “chập chờn”,... 🡪 từ láy tượng thanh, tượng hình gợi tả những âm thanh, màu sắc, đường nét diễm lệ, mê hoặc của Hương Sơn

**- Biện pháp tu từ:**

+ Điệp từ ngữ “non non”, “nước nước”, “mây mây”, “này...này” 🡪 vẻ đẹp kì vĩ, hài hòa, tràn ngập trong mắt nhà thơ

+ So sánh, ẩn dụ “Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt”, “Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây”,... 🡪 cảnh tượng diễm lệ, huyền ảo

+ Nhân hóa “cá nghe kinh” 🡪 sự vật có linh hồn, sống động

+ Câu hỏi tu từ “... hỏi rằng đây có phải?” 🡪 bâng khuâng, mơ màng, hư hư thực thực

=> Tận dụng sức gợi tả, gợi cảm của từ ngữ + BPTT giúp thể hiện cảm xúc, tình cảm của chủ thể trữ tình và cảm hứng chủ đạo của tác phẩm

**3. Vần, nhịp**

- Vần:

+ Vần chân: nay – mây, phải – trái, kinh – kình,...

+ Vần lưng: mây – đây, kình – mình,...

=> Tạo sự liên kết về mặt âm thanh theo chiều dọc, tạo âm điệu trầm bổng, réo rắt

- Nhịp:

+ Câu dài, ngắn đan xen

+ Nhịp 4/3, 2/2/3, 3/2/2,... => Lúc nhanh, lúc chậm, lúc khoan thai, lúc gấp gáp => Tạo nhịp điệu cho bài thơ, tưởng như nhịp chân của người khách thưởng lãm cảnh vật, chậm rãi và tha thiết say mê.

**III. TỔNG KẾT**

**1. Nghệ thuật**

- Sử dụng biện so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, câu hỏi tu từ…

- Từ ngữ có giá trị tạo hình cao

- Nhịp thơ linh hoạt, giọng thơ nhẹ nhàng, sử dụng nhiều kiểu câu khác nhau

**2. Nội dung**

- Văn bản thể hiện được vẻ đẹp của Hương Sơn với vẻ đẹp thoát tục, hùng vĩ, kì diệu, huyền ảo

- Sự ngạc nhiên, thích thú và thỏa mãn của tác giả khi đặt chân tới phong cảnh Hương Sơn, qua đó bày tỏ lòng yêu nước, yêu thiên nhiên.

**VB2: THƠ DUYÊN**

**- Xuân Diệu –**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả**

- Xuân Diệu (1916 – 1985), tên đầy đủ là Ngô Xuân Diệu.

- Quê quán: Quê nội ở Hà Tĩnh, Quê ngoại ở Bình Định.

- Làm thơ khi còn rất sớm, nổi tiếng với phong trào Thơ Mới.

- Phong cách nghệ thuật: dồi dào những rung động tươi mới, tràn trề tình yêu, niềm khát khao giao cảm với đời.

- Tác phẩm chính: *Thơ thơ, Gửi hương cho gió*, …

**2. Tác phẩm**

**- Thể loại: thơ 7 chữ**

**- Xuất xứ: in trong Tuyển tập Xuân Diệu (thơ)**

**- Bố cục:**

+ Khổ 1: Bức tranh chiều thu tươi vui

+ Khổ 2, 3: Con đường tình yêu, đôi lứa

+ Khổ 4: Bức tranh chiều thu ảm đạm

+ Khổ 5: Cắt nghĩa tình yêu của tác giả

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**1. Nhan đề “Thơ duyên”**

- “Duyên”:

+ Chỉ mối quan hệ vợ chồng, những cuộc gặp gỡ, quan hệ gắn bó như tự nhiên mà có

+ “Duyên” trong “Thơ duyên”: bức tranh mùa thu có sự giao hòa giữa thiên nhiên – con người, con người – con người

**2. Từ ngữ, vần, nhịp trong khổ 1 và khổ 4**

- Tương đồng: đều là bức tranh mùa thu giàu hình ảnh và cảm xúc, thể hiện khát khao tình yêu đôi lứa

- Khác biệt:

+ Khổ 1: Buổi chiều thu tươi vui , trong ngần, mơ mộng, gắn kết của các sự vật

+ Khổ 4: Cảnh chiều thu ảm đạm, lãnh lẽo với các sự cô độc của các sự vật

**3. Sự thay đổi duyên tình giữa “anh – em” theo trình tự các khổ thơ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khổ thơ** | **Sắc thái thiên nhiên** | **Duyên tình “anh – em”** |
| **Khổ 1** | Chiều thu vui tươi, trong sáng, hữu tình | Không gian, thời gian khơi gợi duyên tình, gắn kết |
| **Khổ 2, 3** | Con đường nhỏ, cây lá lả lơi, yểu điệu trong gió,... mời gọi bước chân đôi lứa | Hai người đi bên nhau, có vẻ xa cách nhưng có sự rung động, xa cách |
| **Khổ 4** | Chiều thu sương lạnh, chòm mây, cánh chim cô độc tìm nơi chốn của mình | Lo sợ về sự cô đơn, khao khát kết đôi |
| **Khổ 5** | Mùa thu nhẹ nhàng: lặng, êm, ngơ ngẩn | Sự xui khiến ma lực, hứa hẹn bền chặt |

=> Cảm xúc của anh/em trước thiên nhiên có vai trò dẫn dắt, kết nối duyên tình.

**4. Chủ thể trữ tình và cảm hứng chủ đạo**

- Chủ thể trữ tình:

+ Chủ thể ẩn: không xuất hiện trực tiếp, quan sát toàn bộ

+ Chủ thể xuất hiện trực tiếp với danh xưng “anh”

- Cảm hứng chủ đạo: Niềm mơ mộng của nhà thơ trước cảnh sắc chiều thu, khát khao giao cảm với thiên nhiên, con người.

**III. TỔNG KẾT**

**1. Nghệ thuật**

- Sử dụng các từ láy

- Ngôn từ mới mẻ, hình ảnh sáng tạo

**2. Nội dung**

Qua việc miêu tả thiên nhiên để bộc lộ tình yêu lứa đôi, tình yêu với cuộc sống, với con người, và sự giao hòa, hòa hợp tuyệt diệu giữa thiên nhiên và con người.

**VB3 – ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: LỜI MÁ NĂM XƯA**

**(Trích)**

**- Trần Bảo Định –**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả**

Trần Bảo Định – nhà văn với lối với giản dị, gần gũi, đậm tính Nam Bộ

**2. Tác phẩm**

- Đoạn trích in trong tập *Thương những ngày...,*

- Thể loại: tản văn

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**Câu 1:**

- Một số từ ngữ, câu văn thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của nhân vật: “tôi hối hận và bối rối”, “tần ngần”,...

- Nội dung bao quát của VB: Nỗi ân hận của nhân vật xưng “tôi” khi kể lại câu chuyện 70 năm trước đã bắn bị thương một con chim thằng chài.

**Câu 2:**

Người thực sự cứu chim thằng chài chính là người má: “Tôi bị má đánh đòn khi bắn thằng chài rớt bến sông ... Má bảo tôi ra bến vớt nó lên’’.

**Câu 3:**

Đây vừa như lời trách móc vừa như một lời dạy bảo: “Sao con cướp đi sự sống của nó? Rồi, ai cướp sự sống của con?”. Người má như muốn dạy nhân vật chính sự thấu hiểu, lòng thương cảm đối với loài vật như con chim thằng chài.

**Câu 4:**

Giữa con người và thiên nhiên, loài vật có mối quan hệ có thể tác động lên nhau. Ở đây chính là cái cảm xúc. Cảm xúc của con người sẽ quyết định cái nhìn, hành động của họ đối với thiên nhiên, loài vật. Con vật cũng vậy, cảm xúc của chúng sẽ được quyết định từ hành động của con người. Ví dụ như là việc con chim thằng chài “vươn vai, hót mấy tiếng như muốn cảm ơn tôi”.

**III. TỔNG KẾT**

**1. Nghệ thuật**

- VB sử dụng phương thức tự sự kết hợp với biểu cảm

- Ngôn từ thuần Việt dễ hiểu, mộc mạc, giản dị, phong phú

- Giọng văn nhẹ nhàng, sâu lắng

**2. Nội dung**

VB bộc lộ tâm trạng ăn năn, hối hận và day dứt của nhân vật “tôi” khi nhớ lại hành động mình đã làm với chú chim thằng chài, qua đó cho thấy trắc ẩn và sự lương thiện của cậu bé.

**TIẾNG VIỆT: LỖI DÙNG TỪ VÀ CÁCH SỬA**

**I. Tri thức tiếng Việt**

Một số lỗi dùng từ:

- Lỗi lặp từ

- Lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm

- Lỗi dùng từ không đúng nghĩa

- Lỗi dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp

- Lỗi dùng từ không phù hợp với kiểu văn bản

**II. Thực hành tiếng Việt**

**Bài 1:**

Xác định dạng lỗi trong từng câu, sau đó tiến hành sửa:

**a. Lỗi dùng từ không đúng với hình thức ngữ âm**.

🡪 Từ “chín mùi” thay bằng “chín muồi”.

**b. Lỗi dùng từ không đúng với khả năng kết hợp.**

🡪 Từ “giấu giếm” không thể kết hợp với quan hệ từ “với”. Cách sửa: bỏ từ “với”.

**c. Lỗi dùng từ không đúng với hình thức ngữ âm.**

🡪 Từ “thăm quan” thay bằng “tham quan”.

**d. Lỗi lặp từ (“bất tử”; “còn lại mãi với thời gian”)**

🡪 Sửa bằng cách bỏ bớt từ “bất tử”: Những bài hát ấy sẽ còn lại mãi với thời gian.

**đ. Lỗi lặp từ**

🡪 Cần thay cụm từ Thơ duyên thứ hai bằng từ khác tương ứng về mặt nghĩa: bài thơ, tác phẩm.

**e. Lỗi dùng từ không phù hợp với kiểu VB.**

**Bài 2:**

- Đề xuất 🡪 đưa ra ý kiến giải pháp

- Đề cử 🡪 Giới thiệu ra để lựa chọn mà bầu

- Đề đạt 🡪 Trình bày ý kiến nguyện vọng lên cấp trên

- Đề bạt 🡪 Đưa một người giữ chức vụ cao hơn

**Bài 3: Đặt câu để thấy rõ sự khác biệt về ý nghĩa**

**a. Làm bộ, làm dáng, làm cao**

- Anh ấy làm bộ như không biết gì.

- Tính chị A thích làm dáng.

- Anh ấy thích lắm nhưng tỏ vẻ làm cao.

**b. Nhẹ nhàng, nhè nhẹ, nhẹ nhõm**

- Công việc của tôi nhẹ nhàng mà lương lại cao.

- Gió thổi nhè nhẹ trên mặt hồ.

- Học xong tất cả những bài cô giao, tôi thấy nhẹ nhõm cả người.

**c. Nho nhỏ, nhỏ nhoi, nhỏ nhen, nhỏ nhặt**

- Tôi có khu vườn nho nhỏ, trồng nhiều loại rau xanh.

- Với vốn liếng nhỏ nhoi, tôi đã mở một cửa hàng tạp hóa.

- Chị ấy có tính ích kỉ, nhỏ nhen.

- Anh ấy hay chấp những việc nhỏ nhặt.

**VB 4 – ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: NẮNG ĐÃ HANH RỒI**

**- Vũ Quần Phương -**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả**

Vũ Quần Phương, sinh năm 1940, là nhà văn với phong cách trong trẻo, gần gũi.

**2. Tác phẩm**

- Thể loại: Thơ 7 chữ

- Xuất xứ: In trong tập *Hoa trong cây, Những điều cùng đến, vết thời gian.*

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**Câu 1:**

- Thiên nhiên trong bài thơ được quan sát, miêu tả vào thời điểm mùa đông.

- Dấu hiệu:

+ “Nắng hanh”: vừa nắng vừa lạnh => kiểu thời tiết đặc trưng của mùa đông

+ “Tiếng sếu”: theo dân gian, tiếng sếu kêu báo hiệu mùa đông

+ “Xuân sắp sang”: mùa xuân sắp tới, hiện tại là mùa đông

**Câu 2:**

- Bài thơ là lời của “anh” nói với “em” ở nơi xa, có thể là người chồng/ người yêu nói với vợ/ người yêu mình.

🡪 Nhấn mạnh và làm chân thực nỗi nhớ, tâm trạng, cảm xúc của chủ thể trữ tình trong bài thơ.

**Câu 3:**

Gieo vần ở cuối câu thơ (vần chân):

+ Khổ 1: bay – gày – hay

+ Khổ 2: tranh – lành – cành

+ Khổ 3: không – thông – mong

+ Khổ 4: qua – qua – xa

=> Toàn bộ vần đều là thanh bằng tạo cảm giác mùa đông êm đềm đồng thời gieo vần để tạo nhịp cố định cho cả bài thơ.

**Câu 4:**

- Chủ đề: Khung cảnh thiên nhiên ngày nắng hanh.

- Cảm hứng chủ đạo: nỗi nhớ trong tình yêu và những rung cảm, cảm nhận trong khung cảnh thiên nhiên.

- Biểu hiện:

+ Từ ngữ: từ láy “xôn xao”, “thầm thĩ”; “tiếng sếu”,...; BPTT so sánh “Nắng đã vàng hanh như phấn bay”, “nắng cứ như tơ”; điệp ngữ “em”, “năm”; nhân hóa “khói ủ mộng lành”, “mây trắng về đông lắm”, “tiếng rừng thông”,...

**III. TỔNG KẾT**

**1. Nghệ thuật**

- Giọng thơ lúc tươi vui, lúc thủ thỉ tâm tình, réo rắt đi vào lòng người

- Ngôn từ thuần Việt, giàu cảm xúc

**2. Nội dung**

Bài thơ miêu tả bức tranh thiên nhiên vào một buổi chiều đông tươi vui, hừng sáng, ấm áp và đầy sức sống. Đồng thời bộc lộ tâm trạng vui tươi, yêu đời, yêu người, yêu thiên nhiên và nỗi nhớ thường trực.

**VIẾT: VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ**

**MỘT BÀI THƠ**

**I. Tri thức về kiểu bài**

**1. Kiểu bài:**

- Phân tích, đánh giá một bài thơ: chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ ấy.

**2. Yêu cầu đối với kiểu bài:**

- Về nội dung (SGK)

- Về kĩ năng (SGK)

+ Bố cục: 3 phần

**MB**: giới thiệu bài thơ và tác giả; nêu nhận xét khái quát về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

**TB**: lần lượt phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

**KB**: khẳng định lại giá trị chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ; tác động của bài thơ đối với bản thân hoặc cảm nghĩ về tác phẩm.

**II. Phân tích ngữ liệu tham khảo**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| *Câu 1* |  - Ngữ liệu trên chưa phải là một bài viết hoàn chỉnh. - Trong bài viết ở ngữ liệu chỉ có phần phân tích, chưa có phần mở bài giới thiệu vấn đề sẽ nói trong bài thơ và kết luận về những giá trị của bài thơ. |
| *Câu 2* |  - Nội dung phân tích, đánh giá được trình bày theo lối kết hợp cả chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật. - Cách trình bày như vậy giúp người đọc, người nghe có những hiểu biết đầy đủ về tất cả những vấn đề có liên quan đến luận điểm chính, tạo sự hài hoà cho bài viết khi có sự xen kẽ. |
| *Câu 3* | - Các ý chính được trình bày trong ngữ liệu: + Không gian trong và lạnh của ao thu. + Sự tĩnh lặng của không gian. + Sự cao rộng của không gian. |
| *Câu 4* | - Những dẫn chứng, lí lẽ được tác giả sử dụng để gợi tả hình ảnh trong bài thơ *Thu điếu*: + Không gian trong và lạnh: *lạnh lẽo, trong veo*. + Phong cảnh ao thu tươi tắn, yên tĩnh: *sóng biếc, lá vàng, gợn tí, khẽ đưa*. + Trời trong xanh, yên tĩnh, cao vút: *trời xanh ngắt, vắng teo, lơ lửng*. |
| *Câu 5* | Việc đánh giá chủ đề và hình thức nghệ thuật xuất phát từ đặc trưng thể loại của tác phẩm. Mỗi thể loại sẽ có những đặc điểm nhận dạng khác nhau như các bài thơ trữ tình sẽ thiên về hình ảnh với cảm xúc lãng mạn,... Việc đánh giá như vậy sẽ giúp người đọc, người nghe hình dung rõ ràng nhất về thể loại mà bài viết muốn nói đến.  |

**III. Tạo lập văn bản**

**Bước 1:** Chuẩn bị viết

**Bước 2:** Tìm ý và lập dàn ý

**Bước 3:** Viết bài

**Bước 4:** Xem lại và chỉnh sửa

**Thực hành viết theo quy trình**

**NÓI VÀ NGHE: GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT BÀI THƠ**

**I. Xác định các bước giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ (SGK)**

**II. Xác định các bước nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, hình thức bài nói giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ (SGK)**

**III. Thực hành nói và nghe**

HS thực hành nói và nghe theo hướng dẫn của GV 🡪 GV nhận xét, bổ sung những thông tin, kiến thức cần thiết 🡪 Tiến hành cho HS đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá HS (theo bảng kiểm trong SGK)

**ÔN TẬP**

**Câu 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Chủ đề** | **Hình thức nghệ thuật đặc sắc** |
| **Hương Sơn phong cảnh** | Tình yêu thiên nhiên, phong cảnh, đất nước | Điệp từ, từ ngữ biểu cảm, bộc lộ trực tiếp, từ láy |
| **Thơ duyên** | Thiên nhiên, tình yêu | Hình ảnh trữ tình, từ láy, nghệ thuật tả cảnh giàu cảm xúc, lấy hình ảnh thiên nhiên để nói về ”duyên” của con người |
| **Lời má năm xưa** | Mối giao cảm giữa thiên nhiên và con người | Hình thức kể chuyện hồi tưởng, sử dụng ngôi kể thức nhất, từ ngữ đặc trưng vùng miền |
| **Nắng đã hanh rồi** | Thiên nhiên | Cách gieo vần độc đáo, từ ngữ gợi hình  |

**Câu 2:**

- Hương Sơn phong cảnh: chủ thể ẩn và chủ thể nhập vai ”khách tang hải”

- Thơ duyên: chủ thể ẩn và chủ thể có danh xưng rõ ràng

- Nắng đã hanh rồi: chủ thể có danh xưng rõ ràng

**Số tiếng trong dòng thơ, số dòng thơ, nhịp, vần**

**Câu 3:**

**Từ ngữ, hình ảnh, âm thanh**

**Hình thức**

**Các BPTT**

**Khi đọc thơ cần lưu ý**

**Chủ thể trữ tình**

**Hình thức thể hiện bài thơ => tác giả bày tỏ tình cảm, thái độ**

**Nội dung**

**Cảm hứng chủ đạo**

**Câu 4: Lưu ý**

+ Khi phân tích một bài thơ trữ tình: phân tích nghệ thuật + nội dung, luôn có sự kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng

+ Khi giới thiệu, đánh giá chủ đề, nghệ thuật của một tác phẩm thơ: nắm nội dung, chủ đề, cảm hứng chủ đạo, biện pháp nghệ thuật

**Câu 5.** GV hướng dẫn HS viết bài 🡪 Tiến hành kiểm tra, đánh giá